TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023.
Về việc: "*T/c về Ly hôn; Nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 563/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc "*Tranh chấp về ly hôn; Nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Tổ 17, khóm HL, thị trấn AC, huyện CT, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Vinh Q, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ 17, khóm HL, thị trấn AC, huyện CT, An Giang.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Vinh Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T có nội dung như sau*: Chị Nguyễn Thị Minh T sống chung với anh Trần Vinh Q từ năm 2016, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân thị trấn AC, huyện CT, An Giang (giấy đăng ký kết hôn số 108 ngày 07/8/2017). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong tình cảm vợ chồng, thường

xuyên hay cãi nhau do anh Q đã nhục mạ, đánh đập và không còn tôn trọng nhau, đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Trần Ngọc Như Qu sinh ngày 03/9/2017 và Trần Đăng Kh sinh ngày 15/9/2021, hiện tại 02 con đang sống chung với chị Nguyễn Thị Minh T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Vinh Q; Về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

* *Về phía bị đơn anh Trần Vinh Q thì*: Toà án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh Trần Vinh Q đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Trần Vinh Q có nơi cư trú tại tổ 17, khóm HL, thị trấn AC, huyện CT, An Giang; hiện tại anh Trần Vinh Q thường xuyên không có mặt tại địa phương nhưng không cung cấp nơi làm việc hoặc địa chỉ mới nên Tòa án đã thông qua Thừa phát lại thực hiện các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Vinh Q vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Minh T đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Trần Vinh Q từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Minh T xin được ly hôn với anh Trần Vinh Q. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Minh T và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời anh Trần Vinh Q để hòa giải cho anh, chị đoàn tụ nhưng anh Q không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh,

chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh T là được ly hôn với anh Trần Vinh Q.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị Minh T thừa nhận 02 cháu Trần Ngọc Như Qu sinh ngày 03/9/2017 và Trần Đăng Kh sinh ngày 15/9/2021 là con chung của chị và anh Trần Vinh Q, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận cháu Trần Ngọc Như Qu và Trần Đăng Kh là con chung của chị Minh T và anh Q, đồng thời phía chị Nguyễn Thị Minh T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh, chị không còn sống chung nữa thì 02 cháu đã sống chung với chị Minh T đến nay, đồng thời phía anh Q cũng không tranh chấp; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh T là được tiếp tục nuôi 02 cháu Trần Ngọc Như Qu và Trần Đăng Kh. Ngoài ra, phía chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Nguyễn Thị Minh T có yêu cầu ly hôn với anh Trần Vinh Q nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh T là được ly hôn với anh Trần Vinh Q. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 07/8/2017 do Uỷ ban nhân dân thị trấn AC (huyện CT, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Công nhận 02 cháu Trần Ngọc Như Qu sinh ngày 03/9/2017 và Trần Đăng Kh sinh ngày 15/9/2021 là con chung của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Vinh Q;

+ Giao 02 cháu Trần Ngọc Như Qu và Trần Đăng Kh cho chị Nguyễn Thị Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (hiện

02 cháu đang sống chung với chị Minh T); Anh Trần Vinh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Minh T, do không có yêu cầu.

+ Chị Nguyễn Thị Minh T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Vinh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

* *Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận.

* *Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004012 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên chị Nguyễn Thị Minh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND H. Châu Thành (1);
- Chi cục THADS H. Châu Thành (1);
- Các đương sự (2);
- UBND thị trấn AC (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hồ Hoàng Huy Hùng